

Số: 102/2024/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc  
thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 26**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp  
luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đất đai số  
31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh Bất động sản số  
29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6  
năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành  
văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày  
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp  
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày  
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp  
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024  
của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 283/TTr-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024, Báo cáo số  
724/BC-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo  
thẩm tra số 985/BC-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân  
sách của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng  
nhân dân tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Sơn La (khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024).

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Sơn La (sau đây gọi là cá nhân).

2. Cộng đồng dân cư đồng bào tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai.

4. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

#### Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Việc bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng và giao đất, cho thuê đất được căn cứ vào điều kiện quỹ đất hiện có của địa phương và quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền được phê duyệt.

3. Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng được thực hiện trong phạm vi thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố nơi cộng đồng dân cư có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

4. Hỗ trợ đất ở được tính một lần cho tất cả các nhân khẩu cùng chung sống trong một gia đình có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình (không hỗ trợ riêng cho từng nhân khẩu trong một gia đình).

5. Đối với các cá nhân đang sinh sống tại nông thôn được hỗ trợ tại địa bàn xã nơi thường trú; trường hợp xã nơi cá nhân thường trú không có quỹ đất để hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất xem xét quyết định việc hỗ trợ ngoài phạm vi địa bàn xã nơi thường trú của cá nhân đó. Đối với các cá nhân đang sinh sống tại đô thị được hỗ trợ trong phạm vi đô thị theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

6. Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng; cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đất theo quy định pháp luật.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số**

Hỗ trợ tối thiểu 250 m<sup>2</sup> đất cho một cộng đồng dân cư đồng bào dân tộc thiểu số để bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng gắn với hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hoá và điều kiện thực tế của địa phương.

#### **Điều 5. Hỗ trợ đất ở**

##### **1. Điều kiện hỗ trợ**

Hỗ trợ đất ở cho cá nhân không có đất ở hoặc thiếu đất ở. Trong đó, các cá nhân cùng chung sống trong một gia đình có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình đang sử dụng đất ở có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu tách thửa đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La quy định thì được xác định là cá nhân thiếu đất ở.

##### **2. Nội dung hỗ trợ**

Cá nhân không có đất hoặc thiếu đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được hưởng chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024, chính sách hỗ trợ đất đai lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024. Việc hỗ trợ bảo đảm thực hiện các nguyên tắc theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

#### **Điều 6. Hỗ trợ đất nông nghiệp**

##### **1. Điều kiện hỗ trợ**

Hỗ trợ đất nông nghiệp cho cá nhân đủ 15 tuổi trở lên không có đất nông nghiệp hoặc thiếu đất nông nghiệp. Trong đó, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La quy định được xác định là cá nhân thiếu đất nông nghiệp lần đầu.

##### **2. Nội dung hỗ trợ**

a) Cá nhân không có đất nông nghiệp hoặc thiếu đất nông nghiệp thì được hưởng chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024 và chính sách hỗ trợ đất đai lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024. Diện tích giao đất lần đầu đối với trường hợp không có đất nông nghiệp không lớn hơn 50% hạn mức giao đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La quy định.

b) Việc hỗ trợ bảo đảm thực hiện các nguyên tắc theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

#### **Điều 7. Hỗ trợ cho thuê đất phi nông nghiệp để sản xuất kinh doanh**

Cá nhân không có đất nông nghiệp hoặc thiếu đất nông nghiệp được hỗ trợ cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh thì

được miễn tiền thuê đất sau khi được hưởng các chính sách về miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật cụ thể như sau:

1. Miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Giảm 50% tiền thuê đất tại địa bàn không thuộc địa bàn quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 8. Nguồn kinh phí tổ chức thực hiện**

1. Kinh phí được bố trí từ Quỹ phát triển đất do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập để ứng vốn phục vụ thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại khoản 1 Điều 114 Luật Đất đai năm 2024.

2. Kinh phí bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trường hợp không tự cân đối được ngân sách thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

3. Kinh phí để thực hiện dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế do ngân sách trung ương theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 42 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

## **Chương III**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 26 thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ viện dẫn tại Nghị quyết này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

#### **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, trường hợp nội dung được quy định tại Nghị quyết này chưa phù hợp với quy định tại văn bản

do cơ quan trung ương ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tổ chức thực hiện theo quy định tại văn bản do cơ quan trung ương ban hành; đồng thời báo cáo đề xuất Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Nghị quyết tại kỳ họp gần nhất bảo đảm phù hợp theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban dân tộc, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND, Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, BKTNS.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thái Hưng**